TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi.

2. Ông Lê Tiến Thấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Phạm Đức A** sinh năm 1990

Nơi ĐKHKTT: thôn V, xã V1, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: thôn 3, xã V2, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **Chị Đồng Thị Minh T** sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: thôn V, xã V1, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

(Anh A vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2020 và Bản tự khai, nguyên đơn là anh Phạm Đức A trình bày:

Anh A và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V2, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình quá khó khăn, thiếu thốn, cuộc sống rất cực khổ. Hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng chí hướng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 4/2015, chị T đưa con chung là cháu Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013 về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị là ông Đồng Văn P và bà Nguyễn Thị T1 tại thôn V, xã V1, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; sau đó chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên anh đã đón con về nuôi. Kể từ khi đi xuất khẩu lao động cho đến nay, chị T vẫn chưa về Việt Nam. Anh và chị T không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời gian vừa anh, anh và chị T có liên lạc với nhau qua Facebook để bàn bạc việc ly hôn, chị T cũng thuận tình ly hôn nhưng chị không thể về Việt nam để giải quyết được nên đã gửi giấy tờ cho anh làm thủ tục ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay, con đang sống cùng anh tại thôn 3, xã V2, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh yêu cầu Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Đồng Thị Minh T không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh A.

* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1967, nơi cư trú: thôn V, xã V1, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ chị T) trình bày:

Bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn số 06/2021/TB-TLVA ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Bà đã thông báo cho chị T văn bản đó. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị T qua tài khoản Zalo và Facebook của chị T. Bà đã trực tiếp gọi điện liên lạc với chị T. Quan điểm của chị T là đồng ý toàn bộ với yêu cầu của anh A và đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt chị vì hiện nay chị không thể về Việt Nam. Chị T ủy quyền cho bà nhận các tài liệu, giấy tờ, bản án, quyết định của Tòa án.

Quan điểm của gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật cho chị T và anh A được ly hôn vì vợ chồng đã mâu thuẫn căng thẳng, không còn khả năng đoàn tụ; về con chung của anh A và chị T là cháu Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013, hiện nay cháu đang sống cùng cùng bố nên gia đình bà cũng đồng ý giao cháu B cho bố cháu trực tiếp nuôi dưỡng và gia đình bà yêu cầu anh A phải đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con của chị T. Vợ chồng anh A và chị T không có tài sản chung hay nợ chung với vợ chồng bà. Bà đề nghị Tòa án gửi các tài liệu, giấy tờ, bản án, quyết định trong vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh A và chị T cho bà để bà thông báo lại cho chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Phạm Đức A được ly hôn chị Đồng Thị Minh T. Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao con chung Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013 cho anh Phạm Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh A và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là anh Phạm Đức A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Đồng Thị Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Phạm Đức A và chị Đồng Thị Minh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Đức A và chị Đồng Thị Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/7/2012.

Lời khai của anh A và lời khai của bà Phạm Thị T1 là mẹ đẻ của chị T đều thể hiện mâu thuẫn giữa anh A và chị T đã kéo dài từ nhiều năm nay, chị T biết việc anh A xin ly hôn, chị đã đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn của anh A và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh A và chị T ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh A và chị T có 01 con chung là Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay, cháu Bảo đang do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị T hiện đang lao động tại Đài Loan. Để đảm bảo việc ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của Anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Anh A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Đức A được ly hôn chị Đồng Thị Minh T.

[2] Về quan hệ con chung: giao con Phạm Viết Gia B sinh ngày 29/7/2013 cho anh Phạm Đức A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A và chị T vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Đức A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005005 ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V1, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh